

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC PHẨM ATESCO**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT



## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 – 6
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét:	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	7 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11 – 29

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm ATESCO trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm ATESCO (được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ giải trí Mùa Thu) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100830798 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 01/12/1998. Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm ATESCO và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 19, ngày 12/05/2023

Trụ sở chính của Công ty tại: Thôn Phù Long Ba, Xã Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**Vốn điều lệ của Công ty:** 35.000.000.000 đồng. (Bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ đồng); tương đương 3.500.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Ngọc Thái	Chủ tịch HĐQT TV HĐQT	Bổ nhiệm ngày 26/05/2022 Bổ nhiệm ngày 28/01/2022
Ông Phạm Quang Khánh	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 28/01/2022
Bà Nguyễn Quỳnh Mai	Thành viên độc lập HĐQT	Bổ nhiệm ngày 28/01/2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC PHẨM ATESCO**

Địa chỉ: Thôn Phù Long Ba, Xã Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Các thành viên Ban Kiểm soát công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Bà Phạm Thị Thanh Mai	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 28/01/2022
Ông Đỗ Văn Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/01/2022
Bà Nguyễn Thị Thiên Hoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/01/2022

**Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Ông Lê Sỹ Cường	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26/04/2023
Ông Nguyễn Công Lãi	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28/01/2022 Miễn nhiệm ngày 26/04/2023
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/02/2022

**Người đại diện trước pháp luật của Công ty:**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Sỹ Cường

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm ATESCO đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng có lợi ích công chúng khác theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC PHẨM ATESCO

Địa chỉ: Thôn Phù Long Ba, Xã Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho kỳ kế toán tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ Công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2023

**PM. Ban Tổng Giám đốc**  
**Ông Giám đốc**



Lê Sỹ Cường



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP**  
**TTP AUDITTING LIMITED COMPANY**

Số : 421/BCKT/TC

**BÁO CÁO SOÁT XÉT**  
**THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Về Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023  
của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm ATESCO*

**Kính gửi:**

Quý cổ đông  
Hội đồng Quản trị  
Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm ATESCO

Chúng tôi Công ty TNHH Kiểm toán TTP, đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần tập đoàn dược phẩm Atesco được lập ngày 11 tháng 08 năm 2023 gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 được trình bày từ trang 07 đến trang 29 kèm theo.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm ATESCO chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các

thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2023 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2023

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP**



**Trần Thị Hạnh**

*Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán*

Số: 0726 -2023 -133 -1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>10.943.891.982</b>	<b>12.516.419.428</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>3</b>	<b>14.584.111</b>	<b>145.878.117</b>
1. Tiền	111		14.584.111	145.878.117
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.994.810.508</b>	<b>6.269.145.601</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4	3.983.810.550	4.203.675.450
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5	2.696.972.258	2.741.972.258
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	-	2.009.470.193
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	7	(2.685.972.300)	(2.685.972.300)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>17.127.099</b>	<b>26.823.712</b>
1. Hàng tồn kho	141		17.127.099	26.823.712
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.917.370.264</b>	<b>6.074.571.998</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10.a	12.733.332	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.904.636.932	6.074.571.998
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>37.711.845.963</b>	<b>35.706.142.546</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>30.000.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	6.b	-	30.000.000.000
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>-</b>	<b>2.479.914</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	-	2.479.914
- Nguyên giá	222		101.348.000	101.348.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(101.348.000)	(98.868.086)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>11</b>	<b>37.710.000.000</b>	<b>5.700.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		37.710.000.000	5.700.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.845.963</b>	<b>3.662.632</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10.b	1.845.963	3.662.632
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>48.655.737.945</b>	<b>48.222.561.974</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023  
 (Tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>5.322.778.454</b>	<b>4.999.287.291</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>5.322.778.454</b>	<b>4.999.287.291</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	4.648.024.216	3.806.228.656
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	39.792.147	597.126.853
3. Phải trả người lao động	314		594.053.000	514.113.600
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		40.909.091	81.818.182
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		-	-
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>43.332.959.491</b>	<b>43.223.274.683</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>14</b>	<b>43.332.959.491</b>	<b>43.223.274.683</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		35.000.000.000	35.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		35.000.000.000	35.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.332.959.491	8.223.274.683
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8.223.274.683	7.414.745.973
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		109.684.808	808.528.710
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>48.655.737.945</b>	<b>48.222.561.974</b>

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hà

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hà

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2023

Tổng Giám đốc



Lê Sỹ Cường

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	21.279.687.900	18.913.003.250
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		21.279.687.900	18.913.003.250
4. Giá vốn hàng bán	11	16	20.307.247.374	15.854.370.831
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		972.440.526	3.058.632.419
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	419.369	448.785.864
7. Chi phí tài chính	22	18	-	63.435.372
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	63.435.372
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	20	847.507.415	927.814.913
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		125.352.480	2.516.167.998
11. Thu nhập khác	31		17.678.380	-
12. Chi phí khác	32	19	4.739.880	1.075.074.500
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		12.938.500	(1.075.074.500)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		138.290.980	1.441.093.498
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	28.606.172	858.317.939
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		109.684.808	582.775.559
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	31	167
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hà

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hà

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2023

Tổng Giám đốc



Lê Sỹ Cường

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Phương pháp trực tiếp

6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	21.499.552.800	19.976.652.450
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(17.425.132.590)	(20.279.449.901)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(3.619.035.864)	(3.491.147.500)
4. Tiền lãi vay đã trả	4		(63.435.272)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5	(559.742.498)	(984.306.275)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	2.009.424.657	350.000.000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(26.779.880)	(4.312.128.217)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>1.878.286.625</b>	<b>(8.803.814.715)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.400.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		9.980.000.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(37.710.000.000)	
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	35.700.000.000	
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		239.361.205
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(2.010.000.000)</b>	<b>8.819.361.205</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33		500.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.297.922.897)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	419.369	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>419.369</b>	<b>(1.797.922.897)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(131.294.006)</b>	<b>(1.782.376.407)</b>
60. Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	145.878.117	3.210.644.255
61. Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>14.584.111</b>	<b>1.428.267.848</b>

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hà

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hà

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2023



Tổng Giám đốc

Lê Sỹ Cường

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng

Báo cáo tài chính giữa niên độ)

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm ATESCO (được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ giải trí Mùa Thu) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100830798 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 01/12/1998. Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm ATESCO và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 19, ngày 12/05/2023.

Trụ sở chính của Công ty tại: Thôn Phù Long Ba, Xã Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty: 35.000.000.000 đồng. (Bằng chữ : Ba mươi lăm tỷ đồng); tương đương 3.500.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Số cán bộ công nhân viên tại thời điểm 30/06/2023: 52 người

#### Lĩnh vực kinh doanh:

Các hoạt động chính của Công ty là thương mại, dịch vụ.

#### Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của công ty là:

- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Dịch vụ ăn uống khác. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể; Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống; Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, ví dụ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không, xí nghiệp vận tải hành khách đường sắt...; Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự; Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền.;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1. Mục đích lập Báo cáo tài chính

Công ty lập Báo cáo tài chính này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng

khoản. Theo đó, Công ty cũng đã lập Báo cáo Tài chính của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023.

## 2.2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

## 2.3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## 2.4. Công cụ tài chính

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## 2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Giá trị của cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán, đối với cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn Upcom là giá giao dịch đóng cửa trên sàn Upcom, đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.8. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị 04 - 05 năm

## 2.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

## 2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## 2.12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thụ nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

### 2.13. Doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán ;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### 2.14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

### 2.15. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;



- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

### *a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

### *b. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

## 2.17. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	2.356.419	90.659.176
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.227.692	55.218.941
<b>Cộng</b>	<b>14.584.111</b>	<b>145.878.117</b>

4. Phải thu khách hàng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công ty TNHH Sumidenso Việt Nam	3.983.810.550	4.203.675.450
<b>Cộng</b>	<b>3.983.810.550</b>	<b>4.203.675.450</b>

5. Trả trước cho người bán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công ty CP thực phẩm thảo nguyên xanh	1.654.917.300	1.654.917.300
Công ty CP xuất nhập khẩu và kiến trúc Greendetech	951.055.000	951.055.000
Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Quảng Châu	80.000.000	80.000.000
Khác	10.999.958	55.999.958
<b>Cộng</b>	<b>2.696.972.258</b>	<b>2.741.972.258</b>

6. Phải thu khác	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn				
Bảo hiểm xã hội dư nợ	-	-	45.536	-
Tạm ứng	-	-	-	-
Phải thu khác	-	-	2.009.424.657	-
Lãi hợp tác kinh doanh (*)	-	-	2.009.424.657	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.009.470.193</b>	<b>-</b>

6. Phải thu khác (tiếp)	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
b. Dài hạn				
Công ty cổ phần AAI VN	-	-	-	-
Công ty cổ phần Phát triển Hệ thống Việt	-	-	30.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>-</b>

c. Các bên liên quan	-	32.009.424.657
Công ty cổ phần Phát triển Hệ thống Việt	-	32.009.424.657

Khoản hợp tác kinh doanh giữa Công ty CP tập đoàn dược phẩm Atesco (Bên A) với Công ty CP phát triển Hệ thống Việt (Bên B) theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2020/HTKD/ATS/HTV ký ngày 01/03/2020.

Chi tiết hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

- Bên B đang thực hiện dự án lắp đặt, vận hành và bảo hành hệ thống bảng Led quảng cáo cho toàn bộ các trung tâm thương mại Vincom cùng với Công ty CP Quảng cáo và Truyền thông đa phương tiện Goldmoon Media. Bên A góp vốn vào bên B để cùng hưởng lợi nhuận từ dự án mà bên B hợp tác với Goldmoon Media.
- + Về góp vốn: Bên A góp 30.000.000.000 VND; Bên B góp 30.000.000.000 VND.
- + Tỷ lệ chia lợi nhuận: Bên A hưởng 50%; Bên B hưởng 50% lợi nhuận sau thuế từ dự án.
- + Thời hạn hợp tác: 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng.
- + Rút vốn: Trong trường hợp vốn chưa được sử dụng hết, thì mỗi bên có quyền đề nghị bằng văn bản rút vốn gửi cho bên còn lại.

- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 02/2022/NQ/ĐHĐCĐ-ATS ngày 24/06/2022 Thông qua việc chấm dứt Hợp đồng hợp tác kinh doanh này. Đến thời điểm 31/12/2022, đơn vị vẫn chưa thực hiện việc thanh lý hợp đồng này. Tuy nhiên, ngày 23/03/2023 đơn vị đã thực hiện việc thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty CP Phát triển hệ thống Việt theo Biên bản thanh lý số 032023/TLHĐHTKD/ATS-HTV ngày 23/3/2023. Toàn bộ số tiền hợp tác kinh doanh và lãi về việc hợp tác kinh doanh là 32.009.424.657 đồng được thu hồi theo Giấy báo có ngày 24/03/2023 tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Thăng Long.

7. Nợ xấu	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Công ty CP thực phẩm thảo nguyên xanh	1.654.917.300	-	1.654.917.300	-
Công ty CP xuất nhập khẩu và kiến trúc	951.055.000	-	951.055.000	-
Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Quảng Châu	80.000.000	-	80.000.000	-
Công ty cổ phần AAI VN	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.685.972.300</b>	<b>-</b>	<b>2.685.972.300</b>	<b>-</b>

8. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	17.127.099	26.823.712
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
<b>Cộng</b>	<b>17.127.099</b>	<b>26.823.712</b>

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: 0 VND.
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: 0 VND.

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Đơn vị tính: VND	
	Máy móc thiết bị	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>		
Số dư đầu năm	101.348.000	101.348.000
Số tăng trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	101.348.000	101.348.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	98.868.086	98.868.086
Số tăng trong năm	2.479.914	2.479.914
- Khấu hao trong kỳ	2.479.914	2.479.914
Số dư cuối kỳ	101.348.000	101.348.000
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	2.479.914	2.479.914
Tại ngày cuối kỳ	-	-

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đang thế chấp: 0 VND
- TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 0 VND

10. Chi phí trả trước	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	12.733.332	-
- Công cụ dụng cụ	12.733.332	-
b. Dài hạn	1.845.963	3.662.632
- Công cụ dụng cụ	1.845.963	3.662.632
- Chi phí khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>14.579.295</b>	<b>3.662.632</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DLI (\*)**

Thôn Phù Long Ba, Xã Long Xuyên, H. Phúc Thọ, TP. Hà Nội, Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**11. Các khoản đầu tư tài chính**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ			Số đầu năm				
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác								
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		37.710.000.000	-	-		5.700.000.000	-	
Công ty CP Delta (2)	9.65%	19.300.000.000	(*)			(*)		
Công ty cổ phần Phát triển Hệ thống Việt (1)							(*)	
Công ty CP Đầu tư phát triển xây dựng Quang Nguyễn Land (3)	44.80%	8.960.000.000	(*)					
Công ty CP Dược và thiết bị y tế (4)	31.50%	9450000000	(*)					

**Đầu tư góp vốn vào đơn vị có liên quan**

Công ty CP Delta 19.300.000.000 (\*)

(\*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

(1) Theo Nghị Quyết số 2303/2023/NQ/HĐQT-ATS ngày 23/03/2023 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm ATESCO thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm ATESCO tại Công ty CP Phát triển Hệ thống Việt sang cho bà Nguyễn Thanh Vân với giá chuyển nhượng là 5.700.000.000 đồng. Ngày 24/3/2023, Công ty đã thực hiện ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 02/2023/HĐCN/ATS-NTV với Bà Nguyễn Thanh Vân và toàn bộ giao dịch chuyển nhượng, thanh quyết toán hợp đồng đã được thực hiện trong ngày 24/3/2023.

(2) Là khoản đầu tư vào Công ty CP Delta với 193.000 cổ phần, mệnh giá: 100.000đ/CP tương ứng với 9,65% Vốn điều lệ

(3) Là khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư phát triển xây dựng Quang Nguyễn Land với 896.000 cổ phần; mệnh giá: 10.000 đ/CP tương ứng với 44,8% Vốn điều lệ

(4) Là khoản đầu tư vào Công ty CP Dược và thiết bị y tế với 94.500 cổ phần, mệnh giá: 10.000 đ/CP tương ứng với 31,5% Vốn điều lệ

Chi tiết các khoản đầu tư

Tên

Địa chỉ

Hoạt động kinh doanh chính

Công ty CP Delta (2)

Số 847 Ngõ Gia Tự, P. Đức Giang, Q. Long Biên, TP Hà Nội, Việt Nam.

- Hoạt động kinh doanh bất động sản

Công ty CP Đầu tư phát triển xây dựng  
Quang Nguyên Land (3)

Số 2/A2/6 Ngõ Quyền, Phường Quang Trung, Q. Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam.

12. Phải trả người bán	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>4.648.024.216</b>	<b>3.806.228.656</b>
Công ty TNHH MTV Quang Triển	1.088.527.913	365.577.268
Công ty TNHH thực phẩm Dũng Lan	328.686.250	447.780.499
Công ty TNHH Phúc Khang Hải Dương	972.095.890	640.895.150
Hộ kinh doanh Đoàn Hương Giang	238.788.705	382.593.705
Công ty TNHH TMDV thực phẩm An Hà	480.814.608	400.752.508
Công ty Cổ Phần TMDV và XD Trường Thịnh	714.923.210	1.099.067.490
Công ty TNHH cung ứng khí hóa lỏng Hà Nội	201.894.400	409.127.855
Khác	622.293.240	60.434.181
<b>Cộng</b>	<b>4.648.024.216</b>	<b>3.806.228.656</b>

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Đơn vị tính: VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp	Số thực nộp	Số cuối kỳ
<b>a. Phải nộp</b>				
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	559.742.498	28.606.172	559.742.498	28.606.172
Thuế Thu nhập cá nhân	37.384.355	8.520.000	34.718.380	11.185.975
Các loại thuế khác	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>597.126.853</b>	<b>37.126.172</b>	<b>594.460.878</b>	<b>39.792.147</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

#### 14. Vốn chủ sở hữu

##### a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Số dư đầu năm trước	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Cộng
- Số dư đầu năm trước	35.000.000.000	7.414.745.973	42.414.745.973
- Tăng vốn trong năm trước			-
- Lãi/ Lỗ trong năm trước		808.528.710	808.528.710
- Trích lập các quỹ			-
<b>Số cuối năm trước</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>8.223.274.683</b>	<b>43.223.274.683</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>8.223.274.683</b>	<b>43.223.274.683</b>
- Tăng vốn trong kỳ			-
- Lãi/ Lỗ trong kỳ		109.684.808	109.684.808
- Trích lập các quỹ			-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>8.332.959.491</b>	<b>43.332.959.491</b>

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Số cuối kỳ	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của các thành viên khác	35.000.000.000	100%	35.000.000.000	100%
Vốn góp của Nhà nước				
Cộng	35.000.000.000	100%	35.000.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	35.000.000.000	35.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	35.000.000.000	35.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.500.000	3.500.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.500.000	3.500.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.500.000	3.500.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.500.000	3.500.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.500.000	3.500.000

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

15. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
a. Doanh thu		
- Doanh thu cung cấp suất ăn	21.279.687.900	18.913.003.250
Cộng	21.279.687.900	18.913.003.250

16. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Giá vốn cung cấp suất ăn	20.307.247.374	15.854.370.831
Cộng	20.307.247.374	15.854.370.831



**17. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Lãi tiền gửi, cho vay	419.369	4.950.248
- Cổ tức, lợi nhuận được chia		
- Lãi từ hợp đồng hợp tác đầu tư		443.835.616
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản mục tiền tệ		
- Khác		
<b>Cộng</b>	<b>419.369</b>	<b>448.785.864</b>

**18. Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Lãi tiền vay		63.435.372
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>63.435.372</b>

**19. Chi phí khác**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế	4.739.880	1.075.074.500
- Khác		
<b>Cộng</b>	<b>4.739.880</b>	<b>1.075.074.500</b>

**20. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	6.150.003	4.868.903
- Chi phí nhân công	663.362.000	667.779.000
- Chi phí khấu hao	2.479.914	4.959.798
- Thuế, phí, lệ phí	5.000.000	8.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.297.554	45.924.242
- Chi phí khác bằng tiền	129.217.944	193.282.970
- Chi phí dự phòng		3.000.000
<b>Cộng</b>	<b>847.507.415</b>	<b>927.814.913</b>

**21. Chi phí sản xuất theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	6.150.003	4.868.903
- Chi phí nhân công	663.362.000	667.779.000
- Chi phí khấu hao	2.479.914	4.959.798
- Thuế, phí, lệ phí	5.000.000	8.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.297.554	45.924.242
- Chi phí khác bằng tiền	129.217.944	193.282.970
- Chi phí dự phòng		3.000.000
<b>Cộng</b>	<b>847.507.415</b>	<b>927.814.913</b>

23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	109.684.808	582.775.559
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	109.684.808	582.775.559
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	3.500.000	3.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	167

22. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	138.290.980	1.441.093.498
Điều chỉnh thu nhập chịu thuế	4.739.880	1.086.184.500
- Các khoản chi khác	4.739.880	1.086.184.500
Lợi nhuận chịu thuế	143.030.860	2.527.277.998
Thuế suất hiện hành	20%	20%
Truy thu thuế TNDN		352.862.319
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	28.606.172	858.317.919
Giảm 30% theo NĐ 92/NĐ-CP/2021		
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	28.606.172	858.317.919

#### 24. Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	Đơn vị tính: VND			
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.584.111		145.878.117	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.983.810.550	(2.685.972.300)	36.213.145.643	(2.685.972.300)
Các khoản cho vay	-		-	
Đầu tư ngắn hạn	-		-	
Đầu tư dài hạn	37.710.000.000		5.700.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>41.708.394.661</b>	<b>(2.685.972.300)</b>	<b>42.059.023.760</b>	<b>(2.685.972.300)</b>

Nợ phải trả tài chính	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Vay và nợ	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	4.648.024.216	3.806.228.656
Chi phí phải trả	40.909.091	81.818.182
<b>Cộng</b>	<b>4.688.933.307</b>	<b>3.888.046.838</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn trong đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

### Quản lý rủi ro tài chính:

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

#### Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư

#### Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

#### Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số cuối kỳ</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.584.111			14.584.111
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.983.810.550	-		3.983.810.550
Các khoản cho vay	-	-		-
Đầu tư dài hạn		37.710.000.000		37.710.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.998.394.661</b>	<b>37.710.000.000</b>	<b>-</b>	<b>41.708.394.661</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	145.878.117			145.878.117
Phải thu khách hàng, phải thu khác	6.213.145.643	30.000.000.000		36.213.145.643
Các khoản cho vay	-	-		-
Đầu tư dài hạn		5.700.000.000		5.700.000.000
<b>Cộng</b>	<b>6.359.023.760</b>	<b>35.700.000.000</b>	<b>-</b>	<b>42.059.023.760</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số cuối kỳ</b>				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	4.648.024.216	-	-	4.648.024.216
Chi phí phải trả	40.909.091	-	-	40.909.091
<b>Cộng</b>	<b>4.688.933.307</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.688.933.307</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	3.806.228.656	-	-	3.806.228.656
Chi phí phải trả	81.818.182	-	-	81.818.182
<b>Cộng</b>	<b>3.888.046.838</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.888.046.838</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**25. Báo cáo bộ phận****Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)**

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Các Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng hóa	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Đơn vị tính: VND
			Tổng
Doanh thu thuần	21.279.687.900	-	21.279.687.900
Chi phí bộ phận	20.307.247.374	-	20.307.247.374
<b>Kết quả kinh doanh bộ</b>	<b>972.440.526</b>	<b>-</b>	<b>972.440.526</b>
<b>Các chi phí không phân bổ theo bộ phận</b>			<b>847.507.415</b>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			124.933.111
Doanh thu hoạt động tài			419.369
Chi phí tài chính			-
Thu nhập khác			17.678.380
Chi phí khác			4.739.880
Thuế TNDN hiện hành			28.606.172
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>			<b>109.684.808</b>

26. Giao dịch với bên liên quan

a. Thông tin các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần Phát triển Hệ thống Việt	Công ty đầu tư khác
Công ty cổ phần Delta	Bà Phạm Trần Ngọc Anh - Tổng Giám đốc Công ty CP Delta là cháu ruột Ông Phạm Quang Khánh - Phó chủ tịch HĐQT Công ty
Bà Phạm Trần Ngọc Anh	Bà Phạm Trần Ngọc Anh là cháu ruột Ông Phạm Quang Khánh - Phó chủ tịch HĐQT Công ty

b. Giao dịch với bên liên quan

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi hợp tác đầu tư Công ty cổ phần Phát triển Hệ thống Việt	-	443.835.616
Mua cổ phiếu Công ty CP Delta Bà Phạm Trần Ngọc Anh	19.300.000.000 19.300.000.000	-

Thù lao hội đồng quản trị, ban tổng giám đốc

	Kỳ này	Kỳ trước
Ông Phạm Anh Tuấn Tổng	Phó Tổng Giám đốc 229.770.000 229.770.000	216.000.000 216.000.000

b. Số dư với bên liên quan

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Phải thu khác Công ty cổ phần Phát triển Hệ thống Việt	- -	32.009.424.657 32.009.424.657

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

28. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 kết thúc ngày 30/06/2023.

**29. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được Công ty TNHH Kiểm toán TTP kiểm toán; Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh có liên quan là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hà

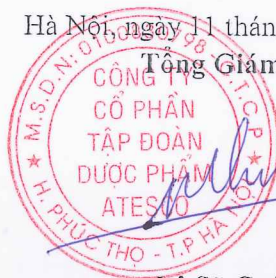
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hà

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2023

Tổng Giám đốc



Lê Sỹ Cường